



NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG CỦA NGHỀ LƯỚI ĐĂNG Ở TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Thanh Long¹

¹ Khoa Thủy Sản, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 12/12/2014

Ngày chấp nhận: 19/08/2015

Title:

Studying on long fence trap nets activities in Hau Giang province

Từ khóa:

Lưới đăng, thu nhập, khía cạnh kỹ thuật và tài chính

Keywords:

Long fence trap nets, income, technical and financial aspects

ABSTRACT

Studying on long fence trap nets activities was conducted at Hau Giang province from May to November 2014 to evaluate technical and financial aspects of the fishery through interviewing 45 long fence trap nets households. Results showed that the average of labor in household was 2.67 people/household. The number of long fence trap nets was 20.6 nets/household. The average mesh size was smaller than $2a=18$ mm. The average yield was 590 kg/year and the ratio of trash fish was 49.1%. With the average investment cost was 4.14 million VND, the long fence trap nets got average net income at 6.12 million VND/year. Long fence trap nets had an important role in household income. The biggest difficulty of the long fence trap nets are decreased productivity.

TÓM TẮT

Nghiên cứu hoạt động của nghề lưới đăng được thực hiện tại tỉnh Hậu Giang từ tháng 5/2014 đến tháng 11/2014 nhằm đánh giá các khía cạnh kỹ thuật và hiệu quả tài chính của nghề lưới đăng thông qua phỏng vấn trực tiếp 45 hộ thực hiện nghề này. Kết quả cho thấy số lao động trung bình của hộ khai thác lưới đăng là 2,67 người/hộ. Số lượng trung bình lưới đăng của một hộ là 20,6 lưới/hộ. Kích thước mắt lưới $2a$ trung bình của lưới đăng nhỏ hơn 18 mm. Sản lượng khai thác trung bình trong năm của nghề lưới đăng là 590 kg/năm/hộ và tỷ lệ cá tạp chiếm 49,1%. Với chi phí đầu tư nghề lưới đăng là 4,14 triệu đồng thì nghề này đem lại lợi nhuận là 6,12 triệu đồng/năm. Nghề lưới đăng có vai trò quan trọng trong thu nhập của nông hộ. Khó khăn lớn nhất của nghề lưới đăng là năng suất khai thác giảm.

1 GIỚI THIỆU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích gần 4 triệu ha, gồm 13 tỉnh thành và dân số 17,39 triệu người (Tổng cục Thống kê, 2013). Điều kiện tự nhiên của ĐBSCL rất thuận lợi trong việc phát triển kinh tế thủy sản. Khai thác và nuôi trồng thủy sản phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu (Huỳnh Văn Hiền, 2009). Theo nghiên cứu của Lê Xuân Sinh và *ctv* (2007b) sản lượng khai thác thủy sản bình quân/hộ có sự giảm đáng kể từ 1.091 kg/hộ/năm ở năm 2000

xuống còn 653 kg/hộ/năm ở năm 2006 tương ứng với mức giảm bình quân là 9 – 10%/năm. Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao trong thời gian gần đây bị giảm về số lượng cũng như sản lượng và có nguy cơ bị mất đi như: cá ét mọi, cá dầy, cá bông lau, cá trê vàng... (Lê Xuân Sinh và *ctv*, 2007a).

Tỉnh Hậu Giang có tổng diện tích đất tự nhiên là 1.607 km². Mật độ dân số: 480 người/km², mật độ dân cư nội thị 1.007 người/km², dân cư nông thôn 440 người/km². Sông chủ yếu bằng nghề

nông nghiệp chiếm 80% dân số (UBND Hậu Giang, 2013). Thủy sản là một trong những thế mạnh của tỉnh Hậu Giang, giá trị sản xuất thủy sản tăng 7,79% so với năm 2012 chủ yếu là các sản phẩm từ nuôi trồng thủy sản. Trong những năm vừa qua tình hình khai thác thủy sản ở Hậu Giang có nhiều thay đổi, sản lượng liên tục giảm từ 3.204 tấn năm 2008 giảm còn 2.962 tấn năm 2012 (Cục Thống kê Hậu Giang, 2013).

Nghề lưới đăng (dón) là một loại ngư cụ khai thác phổ biến ở vùng nước ngọt, đặc biệt là khai thác trên ruộng vào mùa lũ (Huỳnh Văn Hiền, 2009). Cấu tạo lưới đăng gồm có tấm lưới đăng, chuồng và lú. Kích thước mắt lưới đăng nhỏ có thể bắt cả cá lớn và cá con. Việc sử dụng phương tiện khai thác không hợp lý, cũng như các công cụ khai thác mang tính hủy diệt ngày càng diễn biến phức tạp. Trong xu hướng suy giảm nguồn lợi thủy sản thì việc khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản hợp lý và bền vững để phục vụ sinh kế của người dân trong vùng cần được nghiên cứu. Do đó, nghiên cứu hoạt động của nghề lưới đăng đối với thu nhập của người dân trong vùng được thực hiện nhằm đánh giá các yếu tố kỹ thuật và hiệu quả tài chính của nghề lưới đăng ở tỉnh Hậu Giang để làm cơ sở quản lý phát triển nghề lưới đăng ổn định và hiệu quả.

Nội dung thực hiện

Phân tích khía cạnh kỹ thuật của nghề lưới đăng;

Đánh giá hiệu quả tài chính của nghề lưới đăng; và

Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới đăng ở tỉnh Hậu Giang.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu các hộ làm nghề lưới đăng của tỉnh Hậu Giang từ tháng 1/2014 đến tháng 11/2014.

Thông tin thứ cấp thu thập gồm điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển khai thác thủy sản, các loại nghề khai thác, sản lượng khai thác ở tỉnh Hậu Giang được thu thập từ các nghiên cứu; báo cáo của các cơ quan địa phương; các tạp chí và các website có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp 45 hộ làm nghề lưới đăng theo bảng câu hỏi đã soạn sẵn với những nội dung thông tin sơ cấp gồm các thông tin về chủ hộ, kết cấu tàu thuyền, ngư cụ khai thác, ngư trường khai thác, mùa vụ khai thác, thời gian khai thác, lực lượng lao động, những loài

khai thác chính, hình thức tiêu thụ sản phẩm khai thác, chi phí cố định, chi phí biến đổi, tổng doanh thu, lợi nhuận... Những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới đăng.

Các số liệu thu thập đã được tính toán tần suất xuất hiện, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn... Phần mềm Excel được sử dụng để xử lý số liệu.

Các chỉ tiêu về hiệu quả tài chính được tính toán dựa trên những công thức dưới đây:

- Tổng thu nhập = tổng số tiền bán sản phẩm
- Tổng chi phí = Tổng chi phí biến đổi + Tổng chi phí cố định (chi phí khấu hao 1 tháng hay năm)
- Lợi nhuận = Tổng thu nhập - Tổng chi phí
- Tỷ suất lợi nhuận = tổng lợi nhuận/Tổng chi phí

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Tình hình khai thác thủy sản ở tỉnh Hậu Giang

3.1.1 Các loại nghề khai thác ở tỉnh Hậu Giang

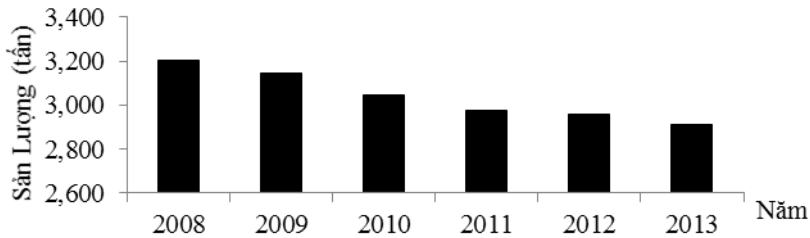
Năm 2013 tỉnh Hậu Giang có 45 thuyền đánh cá có gắn động cơ và 1.156 thuyền đánh cá không gắn động cơ (Chi cục thủy sản tỉnh Hậu Giang, 2013). Do tỉnh Hậu Giang là tỉnh nội đồng do đó số thuyền đánh cá không nhiều, đa số thuyền đánh cá này tập trung khai thác ở một số tuyến sông cái lớn như sông Ngã Bảy, Phụng Hiệp, kênh xáng Xà No với ngư cụ khai thác cào sông, lưới rê, đăng. Các nghề khai thác này chủ yếu là khai thác với qui mô nhỏ. Số lượng tàu đánh cá giảm qua các năm từ năm 2008 là 120 chiếc đến năm 2013 chỉ còn 48 chiếc. Trong giai đoạn này số lượng tàu đánh cá giảm 62,5% do tình hình nguồn lợi ngày càng suy giảm, một số qui định cấm khai thác đối với một số loại ngư cụ và hiệu quả khai thác không cao. Tuy nhiên, số lượng thuyền đánh cá không động cơ trong giai đoạn 2011 - 2013 tăng nhưng không nhiều (6,35%), tập trung vào các nghề đánh cá thô sơ như nghề lưới cào, lưới rê, lợp tép, lợp cá rô và các nghề này khai thác chủ yếu ở kênh rạch nhỏ và đồng ruộng.

3.1.2 Sản lượng của các loại nghề khai thác thủy sản

Sản lượng khai thác thủy sản có xu hướng giảm qua các năm (Chi cục Thủy sản Hậu Giang, 2013). Sản lượng từ khai thác thủy sản chiếm 3,2% trong tổng sản lượng thủy sản của tỉnh. Năm 2008, sản lượng khai thác thủy sản toàn tỉnh là 3.204 tấn đến năm 2013 còn 2.910 tấn, như vậy trong giai đoạn

2008 - 2013 sản lượng khai thác thủy sản giảm 9,18% (Hình 1). Cùng với sự gia tăng về số lượng thuyền đánh cá không gắn động cơ với những loại ngư cụ khai thác mang tính hủy diệt nên nguồn lợi

thủy sản ngày càng cạn kiệt. Điều này dễ dẫn đến nguy cơ nguồn lợi thủy sản ngày càng suy giảm và khó có thể phục hồi nếu cơ quan quản lý ngành không có biện pháp bảo vệ hợp lý.



Hình 1: Sản lượng khai thác thủy sản tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2008 -2013

3.1.3 Nhận định của ngư dân về nghề khai thác thủy sản

Kết quả khảo sát cho thấy có 93,3% hộ làm nghề lưới đăng nhận định sản lượng khai thác giảm nhiều so với những năm qua. Đặc biệt không có hộ khai thác nhận định sản lượng khai thác tăng, số hộ nhận định sản lượng khai thác không đổi ở mức thấp 6,70%. Do có nhiều người khai thác, sử dụng những ngư cụ khai thác mang tính hủy diệt nên xu hướng nguồn lợi thủy sản ngày càng suy giảm, do đó sản lượng khai thác ngày càng thấp là điều tất yếu.

Tương tự, lợi nhuận khai thác so với 5 năm trước đây cũng được đánh giá là thấp hơn (93,3%), có 2,20% số hộ nhận định lợi nhuận không tăng và tỉ lệ còn lại cho rằng có lợi nhuận cao hơn. Nhìn chung, thu nhập của nông dân ngày càng suy giảm.

Người dân cho rằng số lượng nghề lưới đăng tăng so với 5 năm trước đây (46,6% hộ dân nhận định), 35,6% cho rằng nghề lưới đăng giảm và không đổi là 17,8%. Do sản lượng khai thác của nghề lưới đăng càng ngày càng suy giảm nên có đến 97,8% hộ khai thác cho rằng không nên phát triển thêm trong thời gian tới. Có đến 80,0% hộ làm nghề lưới đăng chưa hiểu biết về ngư cụ cấm khai thác thủy sản tự nhiên và công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, do vậy việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền hơn nữa để nâng cao ý thức người dân thực hiện qui định chính sách bảo vệ nguồn lợi là rất cần thiết.

3.2 Thông tin chung về hộ khai thác thủy sản

Kết quả khảo sát cho thấy độ tuổi trung bình của hộ tham gia nghề lưới đăng là 39,7 tuổi, ở độ tuổi này họ thường là lao động chính trong gia

đình, đồng thời tham gia vào các hoạt động tạo ra sinh kế cho nông hộ.

Kinh nghiệm khai thác thủy sản cũng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sản lượng, thu nhập của các hộ tham gia khai thác thủy sản. Những hộ có nhiều năm kinh nghiệm khai thác thì luôn biết chọn ngư trường, thời gian sao cho khai thác đạt hiệu quả kinh tế cao.

Bảng 1: Tuổi và kinh nghiệm khai thác nghề lưới đăng và rập thủy sản

Nội dung	ĐVT	Lưới đăng
Tuổi	Tuổi	39,7±8,09
Kinh nghiệm khai thác	Năm	3,71±2,12

Trình độ học vấn của các chủ hộ khai thác có ảnh hưởng rất lớn đối với việc nhận thức về chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Kết quả khảo sát cho thấy ngư dân làm nghề lưới đăng thì trình độ cấp trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao nhất (48,9%), tiểu học (33,3%), trung học phổ thông (11,1%) và mù chữ là 6,70%. Theo kết quả nghiên cứu của Lê Xuân Sinh và ctv (2010) là học vấn của các hộ tham gia tạo sinh kế ở các vùng ven biển ĐBSCL ở trình độ mù chữ là 9,4%, ở trình độ cấp I và II là 81% và trình độ cấp III là 9,6%. Điều đó cho thấy đặc trưng về đời sống của người dân khai thác thủy sản ở khu vực nông thôn là nghèo và có trình độ dân trí thấp.

Lực lượng lao động trong gia đình là nguồn lực quan trọng quyết định các hoạt động khai thác và tạo ra sinh kế của hộ. Trung bình mỗi hộ có từ 3 - 6 người, số người trung bình trong gia đình của những hộ tham gia nghề khai thác lưới đăng là 4,16 người. Kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Nga (2007), đặc điểm của hộ dân sống trong vùng nông thôn là có số nhân khẩu

trong gia đình phổ biến là 5 người và có ba thế hệ sống chung trong gia đình. Và cũng thấp hơn kết quả nghiên cứu của Đặng Thị Phương và Lê Xuân Sinh (2010) số người trong gia đình của các hộ dân sống trong vùng nông thôn bị ảnh hưởng bởi lũ của ĐBSCL là 5,0 người/hộ.

Số lao động bình quân trong gia đình đối với hộ khai thác nghề lưới đăng là 2,67 người/hộ, kết quả cho thấy số lao động chiếm hơn 60% số nhân khẩu trong gia đình của hộ. Điều này cũng cho thấy, gia đình trong nông thôn có nguồn lao động dồi dào để phục vụ cho sản xuất, tham gia hoạt động khai thác thủy sản cũng như các hoạt động tạo ra sinh kế.

Bảng 2: Thống kê lực lượng lao động của hộ khai thác

Nội dung	ĐVT	Lưới đăng
Tổng số người trong gia đình	Người/hộ	4,16±1,19
Tổng số lao động trong gia đình	Người/hộ	2,67±0,85
Số lao động nữ	Người/hộ	1,31±0,51
Số lao động tham gia KTTS	Người/hộ	1,09±0,28

Kết quả khảo sát số lao động nữ trong gia đình đối với nghề lưới đăng là 1,31 người/hộ cao. Điều đó cho thấy số lao động này chiếm 50% số lao động trong gia đình. Toàn bộ lực lượng lao động



Hình 2: Xuồng lưới đăng

Chiều dài của tấm lưới đăng trung bình là 12,6 m, chiều cao của tấm lưới đăng trung bình là 1,39 m, kích thước mắt lưới 2a của tấm lưới đăng trung bình là 2,16 mm, chu vi trung bình của rọ là 5,49 m, chiều dài trung bình của lú là 2,7 m, đường kính trung bình của lú 0,45 m và kích thước mắt lưới 2a của lú trung bình là 9,07 mm. Theo thông tư 02/2006 của Bộ Thủy sản thì kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá không được nhỏ hơn 18 mm. Đây là loại ngư cụ được đưa vào danh mục ngư cụ cấm sử dụng khai thác vì mang tính hủy diệt (Tạ Quang Ngọc, 2006). Tuy nhiên, loại ngư

trong gia đình chỉ có một đến hai người tham gia vào hoạt động khai thác thủy sản. Điều này cho thấy hoạt động khai thác lưới đăng không cần nhiều lao động và có thể tận dụng công nhân rồi để tạo thêm thu nhập cho nông hộ, lực lượng lao động còn lại có thể tham gia vào các hoạt động khác để tăng thu nhập cho gia đình.

3.3 Khía cạnh kỹ thuật

3.3.1 Khía cạnh kỹ thuật của nghề lưới đăng

Các thông số tàu thuyền khai thác

Nghề lưới đăng được thực hiện khá đơn giản, ngư trường khai thác chủ yếu là gần nhà, phương tiện được sử dụng khai thác nghề này chủ yếu là xuồng chèo có tải trọng từ 100 kg đến 300 kg, trung bình là 250 kg, có chiều dài trung bình 3,2 m, đặc biệt đối với nghề lưới đăng thì hầu như không có trang bị máy (Hình 2). Tùy theo số lượng ngư cụ nhiều hay ít mà sử dụng phương tiện lớn hay nhỏ hợp lý để giảm chi phí.

Các thông số ngư cụ khai thác

Lưới đăng là loại ngư cụ cố định và bắt tất cả các loài thủy sản di chuyển vào chuồng lưới đăng. Lưới đăng có cấu tạo gồm một hệ thống tấm lưới đăng hình chữ nhật, tấm lưới đăng được cố định bằng các cây cọc, cuối đường đăng xây một cái rọ tiếp theo rọ là một cái lú (Hình 3).



Hình 3: Cấu tạo lưới đăng

cụ này được khai thác phổ biến ở ĐBSCL nói chung và Hậu Giang nói riêng. Theo nghiên cứu của Trương Thị Nga và ctv. (2007) thì tỷ lệ ngư cụ này được sử dụng khai thác ở An Giang là 7,4%. Theo nghiên cứu của Huỳnh Văn Hiền (2009) nghề lưới đăng được khai thác khá phổ biến trong khu vực vùng lũ ở ĐBSCL (12,7%), được cải tiến và sử dụng trong những năm gần đây. Do đó, cần tuyên truyền thông tin về bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho người dân trong vùng để nâng cao ý thức bảo vệ NLTS và thực hiện tốt các loại ngư cụ cấm sử dụng.

Bảng 3: Kết cấu ngư cụ một lưới đăng

Nội dung	ĐVT	Giá trị
Chiều dài tấm lưới đăng	m	12,6±7,57
Chiều cao đăng	m	1,39±0,13
Kích thước mắt lưới 2a tấm lưới đăng	mm	2,16±1,31
Chu vi của rọ	m	5,49±0,92
Chiều dài của lú	m	2,70±0,31
Đường kính lú	m	0,45±0,07
Kích thước mắt lưới 2a lú	mm	9,07±1,57

Ngư trường khai thác

Lưới đăng có thể đánh bắt ở đồng ruộng, sông rạch và ao mương. Do đó, tùy theo mùa vụ mà nông hộ chọn ngư trường để đánh bắt hiệu quả và đạt sản lượng cao. Kết quả khảo sát ngư trường sông rạch là ngư trường phổ biến nhất có đến 95,6% hộ, kế đến là ngư trường đồng ruộng (84,4%) và ngư trường ít được hộ khai thác là ao mương (28,8%). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trương Thị Nga và *ctv* (2007), ngư trường khai thác chủ yếu của nghề lưới đăng là sông rạch 96,3%, đồng ruộng 85,2%. Do vậy, ngư trường sông rạch và đồng ruộng là ngư trường khai thác quan trọng nhất của nghề lưới đăng.

Thời gian khai thác tập trung vào mùa nước lũ từ tháng 8 đến tháng 12 dương lịch hằng năm. Mỗi chuyến khai thác trung bình là 1,45 giờ/chuyến, số chuyến khai thác trung bình trong ngày là 1,11

Bảng 5: Sản lượng khai thác của nghề lưới đăng

Nội dung	ĐVT	Giá trị
Số lượng trung bình lưới đăng	Cái/hộ	20,6±7,30
Sản lượng 1 chuyến khai thác	Kg/chuyến/hộ	8,93±2,44
Sản lượng cá	Kg/chuyến/hộ	4,93±1,76
Sản lượng ốc bươu vàng	Kg/chuyến/hộ	4,0±1,21
Sản lượng cá 1 tháng khai thác	Kg/tháng/hộ	94,6±44,4
Sản lượng cá 1 năm khai thác	Kg/năm/hộ	590±350
Tỷ lệ cá tạp (cá con không thể sử dụng làm thức ăn cho người) %		49,1±11,1

Thành phần loài thủy sản cũng là một trong những chỉ tiêu để đánh giá về hiện trạng nguồn lợi thủy sản trong khu vực nghiên cứu cũng như những đóng góp của nó đối với sinh kế của nông hộ. Kết quả khảo sát cho thấy có 11 loài thủy sản có được khai thác chính vùng nghiên cứu (Bảng 6). Trong đó, ốc bươu vàng là loài có sản lượng cao nhất 4 kg/ngày (45,6%). Loài có sản lượng cao thứ hai là cá sặc với sản lượng 1,38 kg/ngày chiếm 15,6%, cá lòng tong là loài được khai thác có sản lượng cao thứ ba với sản lượng 1,07 kg/ngày chiếm 11,6%. Ngoài ra, còn một số loài thủy sản khác

chuyên/ngày, số ngày khai thác trung bình trong tháng là 17,9 ngày/tháng và số tháng khai thác trung bình trong năm là 6,38 tháng/năm.

Bảng 4: Thời gian đầu tư cho khai thác nghề lưới đăng

Nội dung	ĐVT	Giá trị
Số giờ khai thác trung bình 1 chuyến	Giờ/chuyến	1,45±0,21
Số chuyến khai thác trung bình trong ngày	Chuyến/ngày	1,11±0,318
Số ngày khai thác trung bình trong tháng	Ngày/tháng	17,9±4,33
Số tháng khai thác trung bình trong năm	Tháng/năm	6,38±1,80

Sản lượng khai thác

Số lượng ngư cụ lưới đăng trung bình là 20,6 cái/hộ, sản lượng khai thác trung bình của một chuyến khai thác là 8,93 kg/chuyến, trong đó sản lượng ốc bươu vàng 4 kg/chuyến, sản lượng cá 4,93 kg/chuyến. Trong tổng sản lượng cá khai thác thì tỷ lệ cá tạp chiếm tương đối cao (49,1%) điều này có thể thấy nghề lưới đăng sử dụng kích thước mắt lưới nhỏ để khai thác nên tỷ lệ cá tạp chiếm rất cao. Sản lượng cá trung bình của một tháng khai thác là 94,6 kg/tháng và sản lượng khai thác trong năm là 590 kg/năm (Bảng 5). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Nguyễn Du và *ctv* (2006) là sản lượng khai thác nghề lưới đăng từ 2-5 kg/ngày/hộ.

cũng được đánh bắt nhưng với sản lượng thấp như cá trê (*Clarias sp*) có sản lượng 0,018 kg/ngày chiếm 0,18%, cá chạch có sản lượng 0,131 kg/ngày chiếm 1,42%, lươn (*Monopterus albus*) có sản lượng 0,142 kg/ngày chiếm 1,63%. Sản lượng khai thác của các loài tùy thuộc vào mùa vụ khai thác và thời gian khai thác, số lượng ngư cụ khai thác mà sản lượng nhiều hay ít. Theo Lê Xuân Sinh và *ctv* (2007a) thì một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao trong thời gian gần đây cũng bị giảm về số lượng cũng như sản lượng và cũng có nguy cơ bị mất đi như: cá ét mọi, cá dầy, cá bông lau, cá trê vàng... và cũng theo Tạ Quang Ngọc (2006) thì

một số loài như cá trê vàng, cá rô đồng là loài có thời hạn cấm khai thác từ tháng 4 đến tháng 6. Vì vậy, việc quản lý nguồn lợi thủy sản để bảo

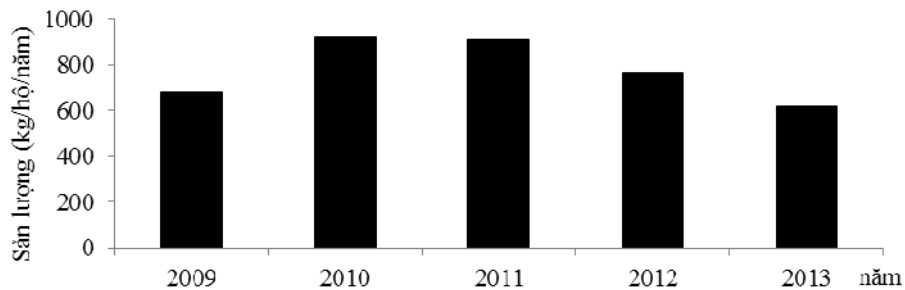
tồn những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng và đa dạng sinh học cần được cơ quan quản lý ngành quan tâm.

Bảng 6: Sản lượng các loài khai thác chính của lưới đăng

Tên loài	Sản lượng (kg/ngày)	Tỷ lệ (%)
Cá lóc (<i>Channa striata</i>)	0,45±0,38	4,55±3,66
Cá rô (<i>Anabas testudineus</i>)	0,73±0,36	8,36±3,36
Lươn (<i>Monopterus albus</i>)	0,14±0,18	1,63±2,06
Cá trê (<i>Clarias sp</i>)	0,02±0,06	0,18±0,63
Cá chạch (<i>Macrognathus aculeatus</i>)	0,13±0,20	1,42±2,24
Cá chột (<i>Mystus vittatus</i>)	0,35±0,43	3,84±4,38
Cua (<i>Somanniathelphusa germaini</i>)	0,32±0,24	3,88±3,02
Tép (<i>Macrobrachium sp</i>)	0,33±0,36	3,70±2,77
Cá lòng tong (<i>Rasbora sp</i>)	1,07±0,56	11,6±5,12
Cá sặc (<i>Trichogaster sp</i>)	1,38±0,65	15,9±5,94
Ôc bươu vàng (<i>Pomacea caniculata</i>)	4,0±1,21	45,6±9,17

Sản lượng khai thác nghề lưới đăng 5 năm qua liên tục giảm từ năm 2010 đến năm 2013. Cụ thể năm 2010 sản lượng khai thác trung bình là 921 kg/hộ/năm, năm 2011 là 911 kg/hộ/năm và năm 2013 là 616 kg/hộ/năm (Hình 4). Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lợi thủy sản ngày càng giảm, số hộ tham gia khai thác ngày càng đông. Theo nghiên cứu của Lê Xuân Sinh và *ctv.* (2007b)

sản lượng khai thác thủy sản bình quân/hộ có sự giảm đáng kể từ 1.091 kg cá/hộ/năm (2000) xuống còn 653,7 kg cá/hộ/năm (2006) tương ứng với mức giảm bình quân là 9 – 10%/năm. Điều đó cho thấy xu hướng nguồn lợi thủy sản liên tục giảm qua các năm và có thể kéo dài nếu cơ quan quản lý ngành không có chiến lược khôi phục và bảo vệ.



Hình 4: Sản lượng khai thác 5 năm qua của nghề lưới đăng

3.4 Khía cạnh tài chính

3.4.1 Chi phí đầu tư

Chi phí cố định của nghề lưới đăng gồm chi phí mua xuống và chi phí mua ngư cụ với chi phí của mỗi hộ trung bình là 4,14 triệu đồng. Trong đó, chi phí mua ngư cụ chiếm tỷ lệ cao (79,7%), chi phí mua xuống chiếm tỷ lệ thấp (20,3%). Thời gian

khấu hao cho xuống và ngư cụ là từ 2-4 năm, trong khi đó nghề lưới đăng không có sử dụng máy đi khai thác. Chi phí khấu hao được tính theo tháng (0,12 triệu đồng/tháng) và theo năm (1,52 triệu đồng/năm) (Bảng 7). Điều đó cho thấy chi phí đầu tư cho nghề lưới đăng là tương đối thấp và dễ thực hiện đối với hộ nghèo.

Bảng 7: Chi phí cố định và chi phí khấu hao

Nội dung	Chi phí cố định		Chi phí khấu hao	
	Tr.đ	Tỷ lệ (%)	Tr.đ/tháng	Tr.đ/năm
Chi phí mua xuống	0,84±0,88	20,3	0,02±0,01	0,24±0,09
Chi phí mua ngư cụ	3,30±1,69	79,7	0,11±0,04	1,27±0,59
Tổng	4,14±2,57	100	0,12±0,05	1,52±0,68

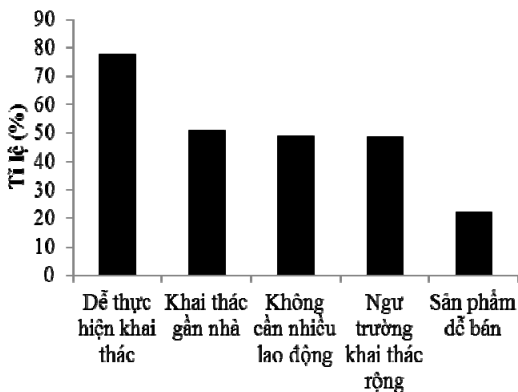
3.4.2 Chi phí biến đổi

Do nghề lưới đăng thực hiện khá đơn giản và chỉ được khai thác chủ yếu là gần nhà. Do không có trang bị máy móc nên không có sử dụng nhiên liệu, thuê mướn nhân công, chủ yếu là sử dụng nguồn lực trong gia đình, sản phẩm thu hoạch xong là bán ngay nên không phải tốn tiền chi phí cho bảo quản sản phẩm. Chính vì vậy, chi phí biến đổi của nghề lưới đăng bằng không.

3.4.3 Hiệu quả tài chính

Do không có chi phí biến đổi nên tổng chi phí khai thác của nghề lưới đăng chỉ có chi phí khấu hao. Tổng chi phí được tính theo tháng của nghề lưới đăng là 0,12 triệu đồng và theo năm là 1,52 triệu đồng. Tổng doanh thu là số tiền bán sản phẩm từ khai thác của nghề lưới đăng theo tháng là 1,2 triệu đồng và theo năm là 7,64 triệu đồng. Doanh thu phụ thuộc vào sản lượng khai thác được, thời gian khai thác, giá cả sản phẩm khai thác.

Nghề lưới đăng có lợi nhuận theo tháng là 1,07 triệu đồng và theo năm là 6,12 triệu đồng. Tỷ suất lợi nhuận của nghề lưới đăng khá cao (8,5 lần).



Hình 5: Những thuận lợi của nghề lưới đăng

3.5.2 Khó khăn

Trong các hoạt động khai thác để phục vụ sinh kế của nông hộ thì vai trò của khai thác lưới đăng cũng quan trọng đối với sinh kế của nông hộ trong vùng nghiên cứu. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động khai thác thì các hộ dân tham gia khai thác thủy sản cũng gặp rất nhiều khó khăn có liên quan trực tiếp tới sinh kế của họ.

Khó khăn lớn nhất của hộ khai thác nghề lưới đăng là năng suất giảm (75,6%), kế đến là khó khăn về thiếu vốn đầu tư để mua ngư cụ khai thác hoặc mua phương tiện đi lại để khai thác thủy sản (40%) và khó khăn về tình hình an ninh trong cộng đồng không tốt do bị trộm ngư cụ khai thác hoặc

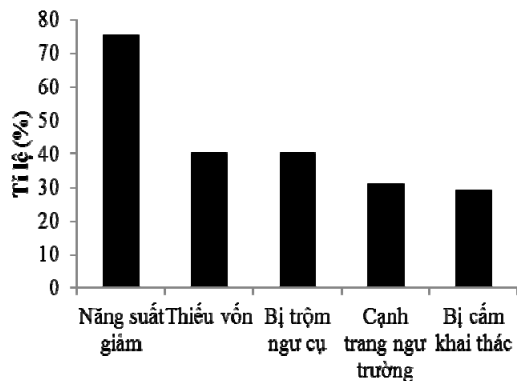
Bảng 8: Hiệu quả tài chính

Nội dung	1 tháng	Cả năm
Tổng chi phí (Tr.đ)	0,12±0,06	1,52±0,69
Tổng doanh thu (Tr.đ)	1,20±0,64	7,64±4,67
Lợi nhuận (Tr.đ)	1,08±0,57	6,12±4,23
Tỷ suất lợi nhuận	8,50±4,62	-

3.5 Những thuận lợi và khó khăn

3.5.1 Thuận lợi

Nghề lưới đăng có vai trò quan trọng đối với sinh kế của nông hộ, là nguồn tạo ra thu nhập khá lớn trong cơ cấu thu nhập. Những thuận lợi cơ bản của nghề lưới đăng là dễ thực hiện khai thác chiếm tỷ lệ cao nhất (77,8%), kế đến là thuận lợi ngư trường khai thác gần nhà (51,1%), do nghề lưới đăng việc di chuyển ngư cụ khai thác thông thường từ năm đến bảy ngày nên không cần lao động nhiều (48,9%) và thuận lợi cuối cùng là có ngư trường khai thác rộng (48,6%) (Hình 5). Với những thuận lợi này đã hỗ trợ nghề lưới đăng phát triển, đặc biệt là mùa lũ ngư dân đã sử dụng lưới đăng để khai thác thủy sản tăng thu nhập cho gia đình.



Hình 6: Những khó khăn của nghề lưới đăng

bị trộm sản phẩm (40%). Một trong những khó khăn quan trọng nữa và có ảnh hưởng trực tiếp tới sinh kế của hộ khai thác thủy sản là cạnh tranh ngư trường khai thác (31,1 %), bị cấm khai thác (28,9 %) (Hình 6).

Nhìn chung, khó khăn nhiều nhất là ở năng suất khai thác giảm, tình hình an ninh trong cộng đồng và cạnh tranh ngư trường khai thác. Các hộ khai thác đa số là hộ nghèo, ít đất canh tác, việc làm không ổn định và nghề khai thác là nguồn thu nhập chính của họ khi mà năng suất khai thác giảm thì ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu nhập cũng như sinh kế của họ. Sự giảm nguồn lợi này có ảnh hưởng trực tiếp tới sinh kế của hộ khai thác thủy

sản, đặc biệt là hộ nghèo. Theo nhận định của cơ quan quản lý ngành là khi sản lượng thủy sản giảm thì người khai thác sẽ kéo dài thời gian khai thác hơn để bù đắp sản lượng, mua thêm nhiều ngư cụ, sẵn sàng sử dụng các loại ngư cụ mang tính hủy diệt hoặc tận diệt để bù đắp sản lượng. Đối với người nghèo chuyên sống bằng nghề khai thác thì sẽ gặp khó khăn nhiều hơn bởi vì họ không đủ khả năng trang bị thêm ngư cụ hay ngư cụ hiện đại và để bù đắp sản lượng cách duy nhất là họ tăng thời gian khai thác. Điều này sẽ gây áp lực lên nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Thêm vào đó là tình hình an ninh trong cộng đồng không tốt kéo theo việc mất ngư cụ khai thác mà ngư cụ là nguồn tạo ra thu nhập cho nông hộ, chi phí mua ngư cụ thì cao, nếu bị mất thì đồng nghĩa với thu nhập của hộ thấp. Việc cạnh tranh ngư trường khai thác cũng là mối quan tâm lớn của hộ khai thác, một ngư trường có thể khai thác được nhiều loại ngư cụ do đó sẽ dẫn đến mâu thuẫn trong khai thác mà ở đây chủ yếu là về tính năng khai thác. Đối với nghề lưới đăng là loại nghề khai thác ở thể bị động do đó dễ ảnh hưởng bởi các loại nghề khác như: xuyệt điện, lưới kéo, kéo côn. Bị cấm khai thác đối với loại ngư cụ này thì chưa được người dân quan tâm vì đây là phương tiện kiếm sống chủ yếu của họ trong khi chưa có chính sách hỗ trợ cho người dân. Do đó, qui định cấm khai thác là chưa có hiệu quả nên ngư cụ này vẫn được khai thác phổ biến. Vì vậy, việc quản lý khai thác thủy sản tự nhiên trên cơ sở phục vụ sinh kế bền vững của cộng đồng cần có các tổ chức xã hội quản lý các hoạt động khai thác, người khai thác có trách nhiệm và tuyên truyền các văn bản qui định pháp luật về khai thác thủy sản cũng như những qui định về đối tượng khai thác và mùa vụ khai thác thủy sản nhằm nâng cao ý thức của cộng đồng trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên cũng như góp phần tăng thêm hiệu quả thực thi pháp luật của nhà nước.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

– Số lao động trong gia đình của nghề lưới đăng là 2,67 lao động/hộ và nghề lưới đăng đã tạo việc làm cho gia đình là 1,09 lao động/hộ.

– Số ngư cụ trung bình của hộ làm nghề lưới đăng là 20,6 cái/hộ. Kích thước mắt lưới 2a được sử dụng nhỏ hơn 18 mm.

– Sản lượng nghề lưới đăng là 590 kg/năm/hộ với tỉ lệ cá tạp của nghề lưới đăng khá cao là 49,1%.

– Chi phí đầu tư ban đầu trung bình cho lưới đăng là một 4,14 triệu đồng/hộ. Trong đó, chi phí

mua ngư cụ chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng chi phí lưới đăng (79,7%). Lợi nhuận của nghề lưới đăng là 6,12 triệu đồng/năm.

4.2 Đề xuất

– Đề nghề lưới đăng phát triển ổn định cần khuyến cáo ngư dân sử dụng kích thước mắt lưới lớn theo qui định để tránh khai thác cá con làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, làm giảm năng suất khai thác, giảm thu nhập của ngư dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục Thủy sản Hậu Giang, 2013. Báo cáo tình hình hoạt động năm (2011 – 2013) và triển khai kế hoạch hằng năm. 14 trang.
2. Cục Thống kê Hậu Giang (2013). Số liệu thống kê 2012. Nhà xuất bản Thống kê. 278 trang.
3. Đặng Thị Phụng và Lê Xuân Sinh (2010). Ảnh hưởng của lũ lên xu hướng tiêu dùng sản phẩm thủy sản của nông hộ vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4. Trường Đại học Cần Thơ. Trang 499 -511.
4. Huỳnh Văn Hiền (2009). Vai trò của khai thác thủy sản đối với sinh kế của nông hộ sống trong vùng lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Luận văn thạc sĩ khoa học chuyên ngành phát triển nông thôn. Khoa Phát triển nông thôn – Trường Đại học Cần Thơ. 74 trang.
5. Lê Xuân Sinh, Đỗ Minh Chung, Huỳnh Văn Hiền, Đặng Thị Phụng và Võ Thành Toàn (2007a). Tác động kinh tế - xã hội của tồn thất cá trong vùng tiểu dự án thủy lợi Ô Môn-Xà No. Kỷ yếu Hội thảo “Sự hài hoà giữa việc giảm nghèo và môi trường”. Đại học Kinh tế Quốc dân, 2/6/2007. Trang 59-65.
6. Lê Xuân Sinh, Đỗ Minh Chung, Huỳnh Văn Hiền, Đặng Thị Phụng và Võ Thành Toàn (2007b). Tác động của hệ thống kiểm soát lũ đối với nguồn lợi thủy sản và cộng đồng vùng ngập lũ trung bình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Kỷ yếu Hội nghị Khoa học – Trường Đại học Cần Thơ, ngày 20 tháng 10 năm 2007. Trang 243-250.
7. Nguyễn Nguyễn Du, Claire Smarllwood, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Xuân Trinh và Nguyễn Trọng Tín (2006). Bộ sưu tập ngư cụ nội địa vùng ĐBSCL. Nhà xuất bản Lao động. 352 trang.

8. Nguyễn Thị Thanh Nga (2007). Phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình lúa – cá ở khu vực tiểu dự án thủy lợi Ô Môn – Xà No. Luận văn tốt nghiệp cao học chuyên ngành Thủy sản. Khoa Thủy sản – Trường Đại học Cần Thơ. 79 trang.
9. Tạ Quang Ngọc, 2006. Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản. Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005. 20 trang.
10. Tổng cục Thống kê, 2013. Niên giám thống kê năm 2012. Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội. 899 trang.
11. Trương Thị Nga, Nguyễn Công Thuận và Nguyễn Minh Thư (2007). Hiện trạng khai thác thủy sản và nhận thức của người dân về chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở ấp Bình An - Thạnh Lợi, xã Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Trang 112 -120.
12. UBND tỉnh Hậu Giang, 2013. Báo cáo tình hình Kinh tế Xã hội – Quốc phòng, An ninh 10 năm thành lập tỉnh 2004-2013. 12 trang.